

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 04/GPMT-UBND

Châu Thành, ngày 25 tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tây Ninh tại Văn bản số 323/BVLBP-GPMT ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tây Ninh” và Văn bản số 361/BVLBP-GPMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Bệnh viện Lao và bệnh phổi tây Ninh”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Châu Thành tại Tờ trình số 862/TT-PNNMT ngày 25 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Lao và bệnh phổi Tây Ninh, địa chỉ tại ấp Bình Long, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Bệnh Viện Lao và bệnh phổi Tây Ninh”, địa chỉ tại ấp Bình Long, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tây Ninh.

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Bình Long, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

1.3. Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 của UBND tỉnh tây Ninh về việc thành lập Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tây Ninh. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 49/TNI-GPHĐ ngày 25/12/2024 của Sở Y tế tỉnh Tây Ninh cấp phép cho Bệnh viện lap và Bệnh phổi Tây Ninh. Quyết định số 1711/QĐ-SYT ngày 31/12/2024 của Giám đốc Sở Y tế về việc Điều chỉnh Giấy phép hoạt động của Bệnh viện Lao và bệnh phổi.

1.4. Mã số thuế: 3900449139

1.5. Loại hình dịch vụ: khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa bệnh lao và bệnh phổi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.6.1. Bệnh viện có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP

1.6.2. Tổng diện tích: 15.226,9 m²

1.6.3. Công suất: 100 giường bệnh.

1.6.5. Quy trình khám chữa bệnh: bệnh nhân → khám bệnh → điều trị nội/ngoại trú → xuất viện.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Lao và bệnh phổi Tây Ninh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Lao và bệnh phổi Tây Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND huyện Châu Thành, UBND xã Thái Bình nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND huyện Châu Thành.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Châu Thành, UBND xã Thái Bình tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *fnl*

Thul
Nơi nhận:

- Sở NN và MT;
- Phòng NN và MT;
- UBND xã Thái Bình;
- Bệnh viện Lao và bệnh phổi Tây Ninh.
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thành Trung

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 04./GPMT-UBND
ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải khu sản xuất xuất ăn (căn tin) từ khoa dinh dưỡng.
- Nguồn số 02: Nước thải từ các nhà vệ sinh (nước đen) của các phòng khám, phòng làm việc, phòng bệnh nhân, khu dịch vụ,...
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ việc vệ sinh sàn nhà, lavabo,....
- Nguồn số 04: Nước thải từ khu giặt tẩy, vệ sinh dụng cụ, thiết bị y tế (nước thải y tế).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Ao trong khuôn viên của Bệnh viện.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải trong phạm vi khu đất của Bệnh viện tại ấp Bình Long, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Tọa độ điểm giám sát nước thải sau xử lý/ Tọa độ vị trí xả thải: tại hồ ga quan trắc (trong ranh cơ sở):

$$X = 1251\ 122 \quad Y = 561\ 147$$

(theo hệ tọa độ VN 2000 múi 3⁰, KT 105⁰30')

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 38 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải sau xử lý xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT cột A, hệ số K = 1,2, cụ thể như sau:

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 – 8,5	06 tháng/lần
2	TSS	mg/l	60	

3	BOD ₅	mg/l	36
4	COD	mg/l	60
5	Sunfua	mg/l	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12
10	Tổng Coliform	mg/l	3.000
11	Shigella	VK/100ml	KPH
12	Vibrio cholerae	VK/100ml	KPH
13	Salmonella	VK/100ml	KPH

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, viên chức, người lao động tại Bệnh viện được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại. Nước thải sinh hoạt sau các bể tự hoại theo đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện có công suất xử lý 50 m³/ngày.đêm theo phương án nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A với hệ số K=1,2.

- Nước thải từ khu vực căn tin, khoa dinh dưỡng, khu vực giặt đồ, vệ sinh dụng cụ, thiết bị y tế phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của của Bệnh viện có công suất xử lý 50 m³/ngày.đêm theo phương án nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A với hệ số K=1,2.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý, đầu nối nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại các khu nhà vệ sinh → bể tự hoại → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện có công suất xử lý 50 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ khu vực căn tin, khoa dinh dưỡng, khu vực giặt đồ, vệ sinh dụng cụ, thiết bị y tế → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện có công suất xử lý 50 m³/ngày.đêm.

Nước thải (nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước thải từ căn tin, khoa dinh dưỡng, khu vực giặt đồ, vệ sinh dụng cụ, thiết bị y tế,..) → hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện có công suất xử lý 50m³/ngày.đêm.

Hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện có quy trình xử lý như sau: Nước thải từ các nguồn → Bể thu gom/tách dầu → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR ----> Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực →

Hồ ổn định / Bể chứa nước phục vụ nước PCCC → Ao tự thấm trong khuôn viên Bệnh viện.

Dầu nổi nước thải: Nước sau xử lý được đầu nổi vào hồ chứa ổn định/ Phục vụ PCCC; sau đó chảy ra ao nằm trong khuôn viên của Bệnh viện.

Hóa chất sử dụng: Chlorine.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện có công suất xử lý 50 m³/ngày.đêm gồm:

+ 01 Hồ thu gom, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, kích thước LxWxH = 1,2 m x 1,1 m x 1,3 m;

+ 01 Bể thu gom/tách dầu, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, kích thước LxWxH = 2,4 m x 3 m x 3,5 m;

+ 01 Bể điều hòa, thể tích 15,75 m³, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, kích thước LxWxH = 1,5 m x 3,0 m x 3,5 m;

+ 01 Bể Anoxic, thể tích 15,75 m³, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, kích thước LxWxH = 1,5 m x 3,0 m x 3,5 m.

+ 01 Cụm Bể MBBR/ Bể Aerotank, thể tích 26,25 m³, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, kích thước LxWxH = 2,5 m x 3,0 m x 3,5 m.

+ 01 Bể lắng, thể tích 26,25 m³, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, kích thước LxWxH = 2,5 m x 3,0 m x 3,5 m.

+ 01 Bể khử trùng, thể tích 7,28 m³, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, kích thước LxWxH = 1,6 m x 1,3 m x 3,5 m.

+ 01 Bồn lọc áp lực, hình trụ; đường kính: 1m, cao: 1,6m, Vật liệu lọc tiếp xúc (cát lọc, sỏi đỡ).

+ 01 Bể chứa bùn, thể tích 6,37 m³, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, kích thước LxWxH = 1,4 m x 1,3 m x 3,5 m.

+ Hồ ổn định/ Phục vụ PCCC, thể tích 283,5 m³, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, kích thước LxWxH = 15,75 m x 9 m x 2 m.

+ Ao chứa nước sau xử lý, thể tích 52,5 m³, kích thước LxWxH = 7 m x 5 m x 1,5 m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị và bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời; bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này phải ngừng

ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại điều hòa có thể tích 17,75 m³ để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu quan trắc

Giai đoạn vận hành ổn định	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	Số lượng mẫu	Chỉ tiêu quan trắc
Hệ thống xử lý nước thải công suất 50m ³ /ngày đêm	Đầu vào: Tại bể thu gom	Mẫu đơn	1	pH, BOD ₅ (20 ⁰ C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng coliforms, Salmonell, Shigella, Vibro cholera. Lưu lượng (kiểm soát bằng đồng hồ đo lưu lượng).
	Đầu ra: nước sau xử lý (hồ ga quan trắc)	Mẫu đơn	3	

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	6,5 – 8,5
2	TSS	mg/l	60
3	BOD ₅	mg/l	36
4	COD	mg/l	60
5	Sunfua	mg/l	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12
10	Tổng Coliform	mg/l	3.000

11	Shigella	VK/100ml	KPH
12	Vibrio cholerae	VK/100ml	KPH
13	Salmonella	VK/100ml	KPH

Ghi chú: KPH: Không phát hiện.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể: việc quan trắc nước thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT cột A, hệ số $K=1,2$ trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

3.2. Đầu nổi và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Bệnh viện.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Bệnh viện chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Bệnh viện đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, hệ số $K=1,2$ trước khi xả thải ra môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..04../GPMT-UBND
ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, công suất 100 KVA (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện).

Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, công suất 165 KVA (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

Vị trí số 01: Ống thải từ máy phát điện dự phòng có công suất 100 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO hoạt động khi có sự cố mất điện; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1251126; Y = 561153 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

Vị trí số 02: Ống thải từ máy phát điện dự phòng có công suất 165 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO hoạt động khi có sự cố mất điện; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1251118; Y = 561128 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Lưu lượng khí thải lớn nhất từ 02 máy phát điện dự phòng là 975 m³/giờ.
- Phương thức xả khí thải: khí thải được xả ra môi trường thông qua ống thải, xả liên tục khi vận hành máy phát điện.
- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số Kp = 1, Kv = 0,8 trước khi xả thải ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	$P \leq 20.000$	Không áp dụng	Không áp dụng
2	Bụi	mg/Nm ³	160		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	NO _x	mg/Nm ³	680		
4	SO ₂	mg/Nm ³	400		
5	CO	mg/Nm ³	800		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu dầu diesel để vận hành 02 máy phát điện công suất 100KVA và 165 KVA khi có sự cố mất điện được thu gom thoát ra ngoài môi trường thông qua ống xả.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ máy phát điện dự phòng thu gom về ống thải của máy phát điện, xả trực tiếp ra môi trường (máy phát điện dự phòng chỉ vận hành khi có sự cố mất điện).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị thường xuyên.
- Đào tạo đội ngũ nhân viên nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.
- Khi xảy ra sự cố sẽ ngừng hoạt động tìm nguyên nhân, khắc phục sự cố kịp thời.
- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2. Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả

bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bệnh viện hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .04.../GPMT-UBND
ngày .15 tháng .6... năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

- Nguồn số 01: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng số 1 (công suất 100 KVA).
- Nguồn số 02: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng số 2 (công suất 165 KVA).
- Nguồn số 03: phát sinh từ quá trình hoạt động của các thiết bị tại khu vực hệ thống xử lý nước thải

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Tọa độ điểm đại diện: X = 1251129; Y= 561143.
- Nguồn số 2: Tọa độ điểm đại diện: X = 1251126; Y= 561153.
- Nguồn số 3: Tọa độ điểm đại diện: X = 1251118; Y= 561128.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:****1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Thường xuyên, kiểm tra, thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt,...
- Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 04.../GPMT-UBND
ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	2.500	13 01 01	NH
2	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi (như nhiệt kế)	Rắn	100	13 03 02	NH
3	Các bình chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoàn toàn (như bình đựng Oxy, bình ga, bình khí dung,...)	Rắn	40	13 03 01	NH
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh	Rắn		16 01 06	NH
5	Pin, ắc quy thải	Rắn		19 06 05	NH
Tổng khối lượng			2.640		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CT	Ký hiệu phân loại
1	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (quần áo dùng 1 lần,...)	800	13 01 05	TT
2	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải.	100	13 01 07	TT

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CT	Ký hiệu phân loại
3	Các bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn không dính CTNH	100	13 03 03	TT-R
4	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải,...	10.000	12 06 13	TT
5	CTR TT yêu cầu phân loại, thu gom phục vụ mục đích tái chế.	730	-	-
Tổng khối lượng		11.730		

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của viên chức, người lao động	28
Tổng khối lượng		28

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: không có

2. 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế lây nhiễm, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải y tế lây nhiễm:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho chứa Chất thải nguy hại với diện tích 12,16 m²; Kho chứa chất thải lây nhiễm với diện tích 25,8 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: có tường tôn bao quanh, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng chứa có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

* Nhà chứa rác tái chế: diện tích 28,8m²; thiết kế, cấu tạo của kho: mái lợp tôn, Bê tông cốt thép, nền bê tông, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

* Khu vực chứa rác thải thông thường: Khu có diện tích khoảng 40 m²; ngoài trời; nền bê tông; các thùng chứa rác sinh hoạt được đậy nắp kín; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

* Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải lưu chứa tại bể chứa bùn có thể tích bể khoảng 6,37 m³, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, có nắp đậy.

2.2.3. Biện pháp xử lý

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy.

2.3.1. Khu lưu chứa:

Lưu chứa tại khu vực kho lưu chứa Chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.3.3 Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải y tế lây nhiễm và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Bệnh viện đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

- Hóa chất được lưu trữ riêng biệt trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống thấm và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheet) của hóa chất và tuân thủ các quy định an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Bệnh viện theo quy định.

- Về kho chứa hóa chất: thiết kế kho chứa hóa chất đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và các yêu cầu về kho chứa quy định tại mục 5 QCVN 05:2020/BCT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Bệnh viện, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

4. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo theo yêu cầu quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

5. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

7. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .04.../GPMT-UBND

ngày 25. tháng 6... năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; thu gom, xử lý nước thải của Bệnh viện đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, hệ số K=1,2. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí phát sinh từ hoạt động sản xuất của Bệnh viện đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với các hệ số $K_p = 1,0$ và $K_v = 0,8$ và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

6. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

8. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Bệnh viện theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Bệnh viện đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

10. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

13. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho nhân viên.

14. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.